

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN M C
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/01/2024

V/v: L hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông: Tòng Văn Thanh.

T ký phiên tòa: Ông **Phìn Đại Quang** – T ký Tòa án nhân dân Hện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện M C tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Hện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2023/HNGĐ-ST ngày 24/11/2023 về việc L hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐHPT-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T** – Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn M C, Hện M C, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Tòng Văn T** – Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn M C, Hện M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lương Văn Bình - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/11/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Tòng Văn T sau một thời gian tìm hiểu chúng tôi nảy sinh tình cảm với nhau, chúng tôi báo cáo hai bên gia đình. Được sự nhất trí của hai bên gia đình, chúng tôi tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/08/2011 tại UBND thị trấn M C, Hện M

C, tỉnh Điện Biên, việc kết hôn giữa tôi và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc của ai. Sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống với nhau hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 chúng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung như trước đây, giữa vợ chồng Tùng xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do anh T Tùng đi chơi bởi không chịu khó lao động sản xuất như trước đây, mỗi khi xảy ra cãi nhau vợ chồng chúng tôi đều đã được họ hàng hai bên gia đình, KHên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi cách sống. Do không chịu được cách sống của anh T, đến cuối năm 2022 tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi ở và chúng tôi sống L thân với nhau từ đó đến nay, giữa vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tôi không còn tình cảm vợ chồng với anh T, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được L hôn với anh Tùng Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung, cháu: Tùng Đức H, sinh ngày 28/10/2011 và cháu Tùng Hương L, sinh ngày 25/5/2021, khi L hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu Tùng Hương L, sinh ngày 25/5/2021, còn cháu Tùng Đức H - sinh ngày 28/10/2011 để cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với tôi và tôi cũng không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tùng Văn T: Kể từ ngày nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước khi mở phiên tòa bị đơn anh Tùng Văn T không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án, những lần Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Quá trình xác minh của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án TAND Hện M C phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh T và chị T tại tổ dân phố số 1, thị trấn M C, Hện M C, tỉnh Điện Biên. Anh T và chị T đăng ký kết hôn với nhau từ tháng 8/2011 việc anh chị đăng ký kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện. Trong cuộc sống hàng ngày thời gian đầu chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung như trước đây, hiện anh chị sống L thân với nhau không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Về điều kiện nuôi con anh T chị T đều đảm bảo sức khỏe, đều có đất canh tác sản xuất, có đủ lương thực, thực phẩm cho việc sinh hoạt hàng ngày cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

- Tại văn bản ý kiến của cháu Tùng Đức H gửi cho Tòa án trình bày, nguyện vọng của cháu là sau khi bố mẹ L hôn với nhau muốn được sống cùng với bố.

* Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lương Văn Bình trình bày:

- Ông nhất trí với phân trình bày của chị T. Về hôn nhân: Trong cuộc sống giữa vợ chồng đã xảy nhiều cuộc cãi nhau, không còn tôn trọng nhau, anh chị đã sống L thân cuối năm 2022, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, như vậy cuộc hôn nhân giữa anh T và chị T không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy đề nghị áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin L hôn của chị Lò Thị T. Tuyên xử cho chị Lò Thị T được L hôn với anh Tòng Văn T. Về con chung: Giao cháu Tòng Hương L, sinh ngày 25/5/2021 cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Tòng Đức H, sinh ngày 28/10/2011 cho anh Tòng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị T.

- Về tài sản: Anh chị không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, Điều 228/BLTTDS; Các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin L hôn của chị Lò Thị T. Tuyên xử cho chị Lò Thị T được L hôn với anh Tòng Văn T. Giao cháu Tòng Hương L, sinh ngày 25/5/2021 cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Tòng Đức H - sinh ngày 28/10/2011 cho anh Tòng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị T. Anh T, chị T có quyền thăm hỏi gặp gỡ, chăm sóc các con không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị T xin miễn án phí, nên áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án L hôn tranh chấp nuôi con khi L hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn M C, Hện M C, tỉnh Điện

Biên. Vậy, Toà án nhân dân Hện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự; Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được thông báo hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, do đó chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị Lò Thị T có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T theo quy định của pháp luật.

[2]. **Về nội dung vụ án:** Xét quan hệ hôn nhân chị T và anh T sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/08/2011 tại UBND thị trấn M C, Hện M C, tỉnh Điện Biên. Việc anh chị đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của luật hôn nhân và gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc cho đến năm 2021 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung như trước đây, Tồng xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Đỉnh điểm cao nhất việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là vào năm 2022, do không chịu được chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị sống L thân với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Kể từ ngày nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước khi mở phiên tòa bị đơn anh Tồng Văn T không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án, những lần Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Quá trình xác minh về mâu thuẫn gia đình và điều kiện nuôi con thì thấy phù với các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, do đó Tòa án căn cứ vào đơn xin L hôn và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Vậy Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị T không còn tình cảm vợ chồng với T, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn xin L hôn của chị T đối với anh T. Tuyên xử cho chị T được L hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về con chung:** Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung, cháu: Tồng Đức H, sinh ngày 28/10/2011 và cháu Tồng Hương L - sinh ngày 25/5/2021.

Xét về điều kiện nuôi con, quá trình xác minh thì thấy anh T và chị T đều có điều kiện chăm sóc nuôi con như nhau. Anh chị đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung ngang nhau. Xét nguyện vọng của cháu Tồng Đức H, sinh ngày 28/10/2011. Hiện cháu Tồng Hương L sinh ngày 25/5/2021 dưới 36 tháng tuổi. Xét

thấy để cho một bên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của các cháu. Vậy để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của anh chị, đảm bảo quyền lợi của các cháu và đảm bảo cuộc sống hàng ngày của các cháu và sự phát triển tâm sinh lý của các cháu, cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung như theo yêu cầu của chị T là phù hợp .

Do đó áp dụng các Điều 58; 69; 70; 71; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Cần giao cháu Tông Hương L sinh ngày 25/5/2021 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Giao cháu Tông Đức H, sinh ngày 28/10/2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị T. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T.

Anh Tông Văn T và chị Lò Thị T đều được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau L hôn khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5]. Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện M C, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa và quan điểm giải quyết của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị T xin miễn án phí, cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

* Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin L hôn của chị Lò Thị T. Chị Lò Thị T được L hôn với anh Tòng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Tòng Hương L, sinh ngày 25/5/2021 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động.

Giao cháu Tòng Đức H, sinh ngày 28/10/2011 cho anh Tòng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động.

Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Tòng Văn T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh T.

Anh Tòng Văn T và chị Lò Thị T đều được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau L hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lò Thị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/01/2024. Anh Tòng Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh ĐB;
- Viện kiểm sát Hện M C;
- Chi cục THADS Hện M C;
- UBND thị trấn M C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lò Văn Dinh